TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Hồng Vũ**.

2. Ông **Tăng Tài Thủ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Phạm Ngọc Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Chung T**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Đăng ký thường trú: Khu vực LT A, phường TN, quận TN, thành phố C.

Nơi ở hiện nay: Khu vực LC, phường TL, quận TN, thành phố C.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Đăng ký thường trú: Khu vực LT A, phường TN, quận TN, thành phố C.

Nơi ở hiện nay: Khu vực LC, phường TL, quận TN, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Chung T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M tiến đến hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo số đăng ký

117 ngày 22/5/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì ông có ý định ly hôn với bà M để đi nước ngoài lao động và vào năm 2023 ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà M nhưng sau đó nhận thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên rút đơn khởi kiện. Đến năm 2024, ông lại tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn rồi lại rút đơn nhưng trong suốt thời gian từ năm 2023 đến nay ông và bà M tuy vẫn sống chung nhưng tình cảm không còn được như trước, vì ông nhận thấy không chung thủy khi chung sống cùng vợ nhưng luôn nghĩ về người phụ nữ khác. Nay ông thấy rằng những mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục được mà ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà M.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày*: Về hôn nhân bà thống nhất ý kiến trình bày của ông T về thời gian chung sống, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên bà vẫn còn tình cảm với ông T nên qua yêu cầu ly hôn của ông T, bà không đồng ý. Ngoài ra, tại phiên tòa bà cho rằng ông T vẫn còn thương bà nhưng vì ông T muốn đi lao động nước ngoài để phát triển kinh tế gia đình nhưng bà không đồng ý nên ông mới yêu cầu ly hôn chứ ông T không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ nào khác.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có 01 con chung tên Võ Ngọc Thanh H (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2014. Hiện con chung do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trường hợp ly hôn ông bà thống nhất giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nhưng ông T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 4/2025.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà thống nhất xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân chấp nhận cho ông Võ Chung T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M. Về con chung: giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, công nhận sự tự nguyện ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tính từ tháng 4/2025 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung – Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Xét ông Võ Chung T và bà Nguyễn Thị M tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn từ việc ông Tính mong muốn đi nước ngoài lao động nhưng bà M không đồng ý; Vấn đề này kéo dài từ năm 2021 và đến nay ông T đã 03 lần nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng vẫn không khắc phục được. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, ông không còn tình cảm với bà M và không thể tiếp tục chung sống với bà nên việc bà M không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với ông T là xuất phát từ một phía không đủ điều kiện duy trì quan hệ hôn nhân. Ngoài ra, việc bà M cản trở ông T trong việc lựa chọn nghề nghiệp, phát triển kinh tế đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ đó cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Võ Chung T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

[2] *Về con chung*: Ông bà có một con chung tên Võ Ngọc Thanh H (giới tính: nữ), sinh ngày 11/07/2014. Hiện con do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trường hợp ly hôn ông bà thống nhất giao con cho bà M tiếp tục nuôi con, tuy bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nhưng việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tính từ tháng 4/2025 đến khi con đủ 18 tuổi; Thấy rằng sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con bà M trực tiếp nuôi dưỡng và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được quyền, lợi ích của con nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Ông T, bà M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông T, bà M xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Chung T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Chung T và bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Võ Ngọc Thanh H (giới tính: nữ), sinh ngày 11/07/2014. Giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở. Ông T, bà M có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Chung T phải chịu tiền án phí án phí Hôn nhân và Gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0002520 ngày 12/02/2025 được chuyển thành án phí; Như vậy, ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng